

XII. Quy trình thực hiện công tác kê khai tài sản

12.1 Thông tin chung

- Mục đích, yêu cầu

Quy trình Kê khai tài sản, thu nhập nhằm thống nhất về phương pháp, trình tự các bước và các yêu cầu trong thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đảm bảo theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phạm vi

Áp dụng đối với các phòng chuyên môn, công chức, thanh tra viên của cơ quan Thanh tra tỉnh.

- Căn cứ pháp lý

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập;

Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

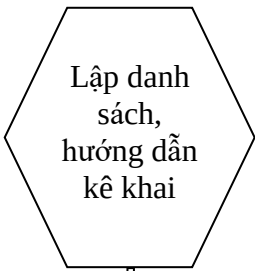
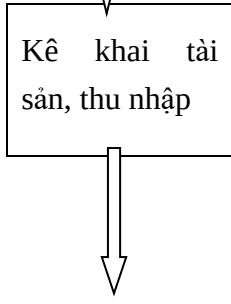
Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 10/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Quy định số 88-QĐ/TU ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trong hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên;

Quy định số 89-QĐ/TU ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên.

12.2 Sơ đồ quy trình thực hiện

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Thời gian thực hiện	Căn cứ pháp lý
-----------------------	--------------------	---------------------------	----------------------------	-----------------------

Bước 1	Văn phòng, Thanh tra tỉnh		Trước 30/11 hàng năm	- Luật PCTN 2018 - Nghị định 130/2020/NĐ- CP
Bước 2	Công chức, thanh tra viên của cơ quan Thanh tra tỉnh		- Lần đầu: 31/12/2021 hoặc 10 ngày sau tuyển dụng, bổ nhiệm - Bổ sung: Trước 31/12 năm có biến động từ 300.000.000 đồng - Hàng năm: Trước 31/12 hàng năm - Công tác cán bộ: Trước 10 ngày bổ nhiệm	- Luật PCTN 2018 - Nghị định 130/2020/NĐ- CP
Bước 3	Văn phòng, Thanh tra tỉnh		Trong thời hạn 20 ngày từ tiếp nhận bản kê khai đến bàn giao, lưu trữ bản kê khai	- Luật PCTN 2018 - Nghị định 130/2020/NĐ- CP
Bước 4	Văn phòng, Thanh tra tỉnh		Chậm nhất 5 ngày kể từ ngày bàn giao. Thời gian niêm yết là 15 ngày	- Luật PCTN 2018 - Nghị định 130/2020/NĐ- CP

12.3 Nội dung chi tiết các bước

12.3.1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

Theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng 2018 về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm: Các công chức thuộc cơ quan Thanh tra tỉnh.

Công chức có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật PCTN năm 2018.

Công chức có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo

trình tự, thủ tục quy định tại Luật PCTN năm 2018 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

12.3.2. Đối tượng và thời điểm kê khai

a. Đối với kê khai tài sản thu nhập lần đầu

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Kê khai lần đầu được thực hiện đối với trường hợp sau đây:

Người lần đầu được tuyển dụng vào ngạch công chức thuộc cơ quan Thanh tra tỉnh. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tuyển dụng vào vị trí công tác. Việc kê khai lần đầu được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

b. Đối với kê khai bổ sung

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

Đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung: Công chức thuộc cơ quan Thanh tra tỉnh (không thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và kê khai hằng năm). Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

c. Đối với kê khai hằng năm

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020, cơ quan Thanh tra tỉnh có những trường hợp sau đây phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm:

- Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên;
- Thanh tra viên;

Việc kê khai hằng năm phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

c. Đối với kê khai phục vụ công tác cán bộ

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Kế khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với trường hợp sau đây:

- Công chức, thanh tra viên của cơ quan Thanh tra tỉnh thực hiện kê khai tài sản, thu nhập khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

- Việc kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

12.3.3. Trình tự, thủ tục kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan Thanh tra tỉnh và được thực hiện trình tự theo các bước:

- **Bước 1:** Văn phòng cơ quan Thanh tra tỉnh lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai, hướng dẫn và lập sổ theo dõi việc kê khai

- + Văn phòng cơ quan Thanh tra tỉnh lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng 2018 và Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

- + Văn phòng cơ quan Thanh tra tỉnh gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Bản kê khai), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

- + Văn phòng Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

- **Bước 2:** Thực hiện việc kê khai

Công chức, thanh tra viên của cơ quan Thanh tra tỉnh có trách nhiệm kê khai theo mẫu (02 bản kê khai) và gửi về Văn phòng Thanh tra tỉnh. Tài sản, thu nhập phải kê khai (quy định tại Điều 35 Luật Phòng chống tham nhũng 2018) bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

- + Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

- + Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- + Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì Văn phòng Thanh tra tỉnh yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- **Bước 3:** Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, Văn phòng cơ quan Thanh tra tỉnh rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 02 bản kê khai gốc cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền quy định tại Điều 30 Luật Phòng chống tham nhũng 2018 (Đối với bản kê khai tài sản thu nhập của Chánh Thanh tra và các Phó Chánh tra nộp về Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; đối với bản kê khai tài sản thu nhập của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương nộp về Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đối tượng còn lại nộp về phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, tiêu cực) và lưu 01 bản theo hồ sơ cán bộ, công chức của cơ quan.

- **Bước 4:** Công khai bản kê khai

Bản kê khai của công chức, thanh tra viên của cơ quan Thanh tra tỉnh được công khai tại cơ quan Thanh tra tỉnh.

Thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai các mục (1), (2), (3) được thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12, 13 Nghị định 130/2020/NĐ-CP

12.3.4. Thành phần hồ sơ kê khai

- Hồ sơ gồm có:

- + Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai;
 - + Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định;
 - + Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản);
 - + Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai;
 - + Biên bản, tài liệu thể hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.